

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2025/HNGĐ-ST**
ngày 19/02/2025
V/v “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thái
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Đẩu – Ông Nguyễn Công Thắm
Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, Nghệ An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hội - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2024/TLST - HNGĐ ngày 06/11/2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984

Nơi ĐKKHKT: K, phường Đ (nay là phường Q), thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: khối H, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm: 1975

Nơi ĐKKHKT: K, phường Đ (nay là phường Q), thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số C, đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ

án, tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S kết hôn năm 2012. Hôn nhân tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 13/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2024, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Ông S không cùng với bà đóng góp kinh tế để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Đã nhiều lần bà và ông S đã ngồi lại nói chuyện cùng với nhau để cùng bàn bạc và giải quyết những mâu thuẫn nhưng vẫn không giải quyết được.

Bà H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, tình cảm thực sự không còn nữa nên làm đơn xin ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Phan Văn S để sớm ổn định cuộc sống của bản thân và yên tâm làm ăn nuôi dạy các con trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phan Nguyễn Ánh N, sinh ngày 26/7/2014; Phan Nguyễn Quang H1, sinh ngày 06/11/2018. Nay ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Ánh N và Quang H1 trưởng thành. Bà H yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phan Văn S, vắng mặt tại phiên tòa, quá trình tố tụng trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Ông Phan Văn S công nhận về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống như bà H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn ông S và bà H đã chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế. Tuy nhiên ông nhận thấy những mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng vẫn có thể cải thiện và hàn gắn được. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông S không đồng ý vì ông S vẫn còn tình cảm với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phan Nguyễn Ánh N, sinh ngày 26/7/2014; Phan Nguyễn Quang H1, sinh ngày 06/11/2018. Nếu ly hôn thì ông S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung trưởng thành nhưng do hiện nay điều kiện kinh tế của ông S gặp nhiều khó khăn nên ông S đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành và ông S sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ông đủ điều kiện.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện các bước tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã chuyển giao quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An ngày 13/01/2012, như vậy là hợp pháp cần được bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tương đối dài, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu từ năm 2024, ông S không có trách nhiệm đóng góp kinh tế cùng với bà H để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Quá trình tố tụng, ông S có nguyện vọng được đoàn tụ, nhưng bà H không chấp nhận. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phan Nguyễn Ánh N, sinh ngày 26/7/2014; Phan Nguyễn Quang H1, sinh ngày 06/11/2018. Nay ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Ánh N và Quang H1 trưởng thành. Quá trình tố tụng anh S không có ý kiến gì về việc trực tiếp chăm sóc con chung. Xét thấy, nguyện vọng của bà H là chính đáng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao hai cháu Phan Nguyễn Ánh N, sinh ngày 26/7/2014; Phan Nguyễn Quang H1, sinh ngày 06/11/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

[4] *Về tài sản chung*: Các bên thỏa thuận tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Phan Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điều 202; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 107, 110, 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và xử như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Văn S.

[2] *Về con chung*: giao con chung Phan Nguyễn Ánh N, sinh ngày 26/7/2014; Phan Nguyễn Quang H1, sinh ngày 06/11/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Buộc ông Phan Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trần Thị H2 mỗi cháu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn)/ tháng kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Về tài sản chung*: Các bên thừa thuận tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: bà H2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H2 đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004879 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, Nghệ An. Ông Phan Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Phan Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Vinh;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TP Vinh;
- UBND phường Đông Vĩnh;
- Lưu HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thái